

ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI
Số: 388/2003/NQ-
UBTVQH11

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2003

NGHỊ QUYẾT
CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

*Về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự
gây ra*

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Để khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự, nâng cao trách nhiệm của người có thẩm quyền trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự;
Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;
Căn cứ vào Bộ luật tố tụng hình sự;
Căn cứ vào Bộ luật dân sự;
Căn cứ vào Nghị quyết số 12/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002 của Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ hai về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khoá XI (2002 - 2007) và năm 2003,

QUYẾT NGHỊ:

MỤC 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Các trường hợp được bồi thường thiệt hại

1. Những người thuộc các trường hợp sau đây được bồi thường thiệt hại:

- Người bị tạm giữ mà có quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự huỷ bỏ quyết định tạm giữ vì người đó không thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;
- Người bị tạm giam mà có quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự huỷ bỏ quyết định tạm giam vì người đó không thực hiện hành vi phạm tội;

c) Người đã chấp hành xong hoặc đang chấp hành hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân, đã bị kết án tử hình mà có bản án, quyết định của Toà án có thẩm quyền xác định người đó không thực hiện hành vi phạm tội;

d) Người bị khởi tố, truy tố, xét xử, thi hành án ngoài các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này mà có bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định người đó không thực hiện hành vi phạm tội.

2. Những người thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này nếu có tài sản bị thu giữ, tạm giữ, kê biên, tịch thu mà bị thiệt hại thì được bồi thường.

Điều 2. Các trường hợp không được bồi thường thiệt hại

1. Những người thuộc các trường hợp sau đây không được bồi thường thiệt hại:

a) Người được miễn trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật;

b) Người bị xử lý về hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự được Quốc hội thông qua ngày 27 tháng 6 năm 1985 đã được sửa đổi, bổ sung theo các luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự được Quốc hội thông qua ngày 28 tháng 12 năm 1989, ngày 12 tháng 8 năm 1991, ngày 22 tháng 12 năm 1992 và ngày 10 tháng 5 năm 1997, nhưng nay theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 thì không phải chịu trách nhiệm hình sự;

c) Những người thuộc các trường hợp quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này mà cố ý khai báo gian dối hoặc cung cấp tài liệu, vật chứng khác sai sự thật để nhận tội thay cho người khác hoặc để che giấu tội phạm.

2. Những người thuộc các trường hợp quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này mà bị tổn hại về sức khỏe, tính mạng, tài sản do lỗi của chính mình hoặc do sự kiện bất khả kháng thì không được bồi thường thiệt hại đó.

Điều 3. Nguyên tắc giải quyết bồi thường thiệt hại

Việc giải quyết bồi thường thiệt hại trong các trường hợp bị oan phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

1. Kịp thời, công khai và đúng pháp luật;

2. Tạo điều kiện thuận lợi để người bị oan, thân nhân của người bị oan hoặc đại diện hợp pháp của họ thực hiện quyền yêu cầu cơ quan có trách nhiệm bồi thường thiệt hại hoặc yêu cầu Toà án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị oan, thân nhân của người bị oan; người bị oan được tạo điều kiện ổn định cuộc sống;

3. Thiệt hại được bồi thường bao gồm thiệt hại về tinh thần và thiệt hại về vật chất theo các quy định tại Nghị quyết này và quy định tại văn bản pháp luật có liên quan;

4. Cơ quan có trách nhiệm bồi thường thiệt hại chủ động giải quyết bồi thường cho người bị oan, thân nhân của người bị oan theo quy định của pháp luật;
5. Việc bồi thường thiệt hại được tiến hành trên cơ sở thương lượng giữa cơ quan có trách nhiệm bồi thường thiệt hại với người bị oan, thân nhân của người bị oan hoặc đại diện hợp pháp của họ; nếu không thương lượng được thì người bị oan, thân nhân của người bị oan hoặc đại diện hợp pháp của họ có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

MỤC 2

KHÔI PHỤC DANH DỰ, XÁC ĐỊNH THIẾT HẠI VÀ MỨC BỒI THƯỜNG

Điều 4. Khôi phục danh dự

1. Người bị oan được khôi phục danh dự.

Cơ quan có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phải xin lỗi, cải chính công khai cho người bị oan.

2. Việc xin lỗi, cải chính công khai được thực hiện bằng các hình thức sau đây:

- a) Trực tiếp xin lỗi, cải chính công khai tại nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người bị oan có sự tham dự của đại diện chính quyền địa phương nơi người bị oan cư trú, đại diện cơ quan nơi người bị oan làm việc, đại diện của một tổ chức chính trị - xã hội mà người bị oan là thành viên;
- b) Đăng trên một tờ báo trung ương và một tờ báo địa phương trong ba số liên tiếp, trừ trường hợp người bị oan hoặc người đại diện hợp pháp của họ có yêu cầu không đăng báo.

3. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày có bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định người bị oan, cơ quan có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phải thực hiện việc xin lỗi, cải chính công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 5. Thiệt hại do tổn thất về tinh thần

1. Việc bồi thường thiệt hại do tổn thất về tinh thần trong thời gian bị tạm giữ, tạm giam, chấp hành hình phạt tù được xác định là mỗi ngày bị tạm giữ, tạm giam, chấp hành hình phạt tù được bồi thường ba ngày lương tính theo mức lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường.
2. Những người bị oan quy định tại khoản 1 Điều này mà bị chết thì vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, người trực tiếp nuôi dưỡng người bị oan được bồi thường chung một khoản tiền bù đắp về tinh thần là ba trăm sáu mươi tháng lương tính theo mức lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường.
3. Việc bồi thường thiệt hại do tổn thất về tinh thần cho những người bị oan không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được xác định là mỗi ngày bị oan được bồi thường một ngày lương tính theo mức lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường.

Thời gian để tính bồi thường thiệt hại được xác định kể từ ngày có quyết định khởi tố bị can cho đến ngày có bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định người đó không thực hiện hành vi phạm tội.

Điều 6. Thiệt hại về vật chất trong trường hợp người bị oan chết

Thiệt hại về vật chất trong trường hợp người bị oan chết được bồi thường bao gồm:

1. Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, chăm sóc người bị oan trước khi chết;
2. Chi phí hợp lý cho việc mai táng;
3. Tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị oan đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Điều 7. Thiệt hại về vật chất trong trường hợp người bị oan bị tổn hại về sức khỏe

Thiệt hại về vật chất trong trường hợp người bị oan bị tổn hại về sức khỏe được bồi thường bao gồm:

1. Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị oan;
2. Chi phí hợp lý và thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị oan trong thời gian điều trị;
3. Trong trường hợp người bị oan mất khả năng lao động và cần có người thường xuyên chăm sóc, thì thiệt hại được bồi thường bao gồm chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị oan và khoản cấp dưỡng cho những người mà người bị oan đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Điều 8. Trả lại tài sản và bồi thường thiệt hại trong trường hợp tài sản bị xâm phạm

1. Tài sản của người bị oan bị thu giữ, tạm giữ, kê biên, tịch thu phải được trả lại ngay.
2. Bồi thường thiệt hại trong trường hợp tài sản của người bị oan bị thu giữ, tạm giữ, kê biên, tịch thu bị xâm phạm được quy định như sau:
 - a) Trong trường hợp tài sản đã bị phát mại, bị mất, bị hư hỏng, bị huỷ hoại thì thiệt hại được xác định tương đương với giá trị tài sản bị thiệt hại tại thời điểm giải quyết bồi thường;
 - b) Trong trường hợp có thiệt hại phát sinh từ việc không được sử dụng, khai thác tài sản thì thiệt hại được xác định là thiệt hại thực tế; trong trường hợp tài sản bị kê biên được giao cho người bị oan hoặc thân nhân của họ quản lý thì chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại về tài sản được xác định là những thiệt hại thực tế.
3. Các khoản tiền bị tịch thu, thi hành án, khoản tiền đã đặt để bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự được hoàn trả cho người bị oan hoặc thân nhân của người bị oan; trường hợp khoản tiền đó là khoản vay có lãi thì phải hoàn trả cả khoản lãi hợp pháp; trong trường hợp khoản tiền đó không phải là khoản vay có lãi thì phải hoàn trả cho người bị oan hoặc thân nhân của người bị oan cả khoản lãi theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng nhà nước tại thời điểm giải quyết bồi thường.

Điều 9. Thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất của người bị oan

Người bị tạm giữ, tạm giam, chấp hành hình phạt tù có thu nhập ổn định nhưng đã bị mất do bị tạm giữ, tạm giam, chấp hành hình phạt tù thì được bồi thường khoản thu nhập đó.

MỤC 3

TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI, THẨM QUYỀN VÀ THỦ TỤC GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

Điều 10. Cơ quan có trách nhiệm bồi thường thiệt hại

1. Cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự đã ra quyết định khởi tố bị can có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp có quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án vì người bị khởi tố không thực hiện hành vi phạm tội.

2. Cơ quan đã ra lệnh tạm giữ, tạm giam có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp việc tạm giữ bị huỷ bỏ vì người bị tạm giữ không có hành vi vi phạm pháp luật hoặc việc tạm giam bị huỷ bỏ vì người bị tạm giam không thực hiện hành vi phạm tội; nếu việc tạm giữ, tạm giam có phê chuẩn của Viện kiểm sát, thì Viện kiểm sát đã phê chuẩn có trách nhiệm bồi thường.

3. Viện kiểm sát đã ra quyết định truy tố có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau đây:

a) Toà án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo không có tội vì không thực hiện hành vi phạm tội và bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật;

b) Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo không có tội vì không thực hiện hành vi phạm tội;

c) Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo không có tội vì không thực hiện hành vi phạm tội và sau đó Toà án xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm vẫn giữ nguyên bản án, quyết định của Toà án phúc thẩm tuyên bố bị cáo không có tội vì không thực hiện hành vi phạm tội.

4. Toà án cấp sơ thẩm có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau đây:

a) Toà án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo có tội nhưng Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không có tội và đình chỉ vụ án vì người đó không thực hiện hành vi phạm tội hoặc huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại mà sau đó bị can được đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án vì không thực hiện hành vi phạm tội hoặc huỷ bản án sơ thẩm để xét xử lại mà sau đó bị cáo được tuyên bố là không có tội vì không thực hiện hành vi phạm tội;

b) Toà án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo có tội, bản án đã có hiệu lực pháp luật, nhưng Toà án xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm huỷ bản án và đình chỉ vụ án vì người đó không thực hiện hành vi phạm tội;